

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND phường)

Đơn vị: nghìn đồng

Nội dung	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8= 5/2</i>	<i>9=6/3</i>	<i>10= 7/4</i>
Tổng số chi	333.429.392	7.612.000	325.817.392	264.013.980	36.323.000	227.690.980	0,79	4,77	69,88
1. Chi an ninh - quốc phòng	18.422.221		18.422.221	14.784.775		14.784.775			
- Chi Quốc phòng	11.936.412		11.936.412	8.443.069		8.443.069			
- Chi an ninh	6.485.809		6.485.809	6.341.706		6.341.706			
2. Chi giáo dục, đào tạo	115.662.856		115.662.856	110.055.000		110.055.000			
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	450.000		450.000	2.673.000		2.673.000			
4. Chi y tế	46.926		46.926	-					
5. Chi văn hóa, thông tin	6.372.275		6.372.275	385.000		385.000			
6. Chi phát thanh, truyền thanh	335.034		335.034	225.000		225.000			
7. Chi thể dục, thể thao	-			1.270.000		1.270.000			
8. Chi sự nghiệp môi trường	6.764.683		6.764.683	10.625.000		10.625.000			
9. Chi các hoạt động kinh tế	35.974.242		35.974.242	14.518.763		14.518.763			
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	115.773.464		115.773.464	43.783.923		43.783.923			
11. Chi cho công tác xã hội	19.147.006		19.147.006	13.300.000		13.300.000			
12. Chi khác	238.368		238.368	1.000.000		1.000.000			
13. Dự toán chi thường xuyên chưa phân bổ (một số nhiệm vụ chi chưa đủ điều kiện phân bổ dự toán đầu năm)				5.071.539		5.071.539			
14. Chi thực hiện cải cách tiền lương				4.405.800		4.405.800			
15. Dự phòng (2,5%)	6.630.317		6.630.317	5.593.180		5.593.180			